TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 01 - 2026.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lý Thị Dung.

Ông Nguyễn Hoàng Anh.

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Sơn La tham gia phiên tòa:*** Ông Lường Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025//TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tiểu khu MN, xã PY, tỉnh Sơn La - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tiểu khu MN, xã PY, tỉnh Sơn La - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 01/7/2026 nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau ngày 23 tháng 11 năm 2005 kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã QH, huyện PY,

tỉnh Sơn La (nay là xã PY, tỉnh Sơn La). Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn. Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị bất đồng quan điểm sống từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn trong gia đình. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng không thành. Hai anh, chị đã sống ly thân từ ngày 30 tháng 3 năm 2025 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị Hà Thị T làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Hai anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Ngọc V, sinh ngày 20/3/2006 (đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động) nên cả hai anh chị đều có trách nhiệm chung với cháu; cháu Hoàng Minh Q, sinh ngày 01/01/2014. Nếu được ly hôn nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Minh Q đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. về cấp dưỡng anh, chị tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Hà Thị T xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Sơn La như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, nghị án Thẩm phán và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm.

+ Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn, từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Đối với bị đơn, sau khi thụ lý vụ án bị đơn đã được Toà án thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn biết về việc khởi kiện của nguyên đơn, đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án, bị đơn có bản tự khai. Toà án áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 56, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Minh Q, sinh ngày 01/01/2014 cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Hoàng Văn T do chị Hà Thị T chưa yêu cầu.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Cháu Hoàng Ngọc V, sinh ngày 20/3/2006, đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, nhưng chưa xây dựng gia đình ra ở riêng nên cả hai anh chị đều phải có trách nhiệm chung với cháu.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hà Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Hà Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật là "ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Hoàng Văn T cư trú tại Tiểu khu MN, xã PY, tỉnh Sơn La. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Sơn La.

Bị đơn Anh Hoàng Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Hoàng Văn T đã cố tình trốn tránh, không chấp hành giấy triệu tập của Toà án. Toà án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương và gia đình anh Hoàng Văn T về việc tống đạt văn bản tố tụng của Toà án đối với anh Hoàng Văn T. Gia đình và chính quyền địa phương xác nhận có nhận được các văn bản tổ tụng của Toà án, đã thông báo, giải thích, động viên, thuyết phục để anh Hoàng Văn T chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Văn T biết chị Hà Thị T khởi kiện ly hôn nhưng cố tình không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Chứng tỏ anh Hoàng Văn T đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau ngày 23 tháng 11 năm 2005 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã QH, tỉnh Sơn La (nay là xã PY, tỉnh Sơn La). Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã PY, tỉnh Sơn La. Do đó quan hệ hôn nhân của chị Hà Thị T và anh Hoàng Văn T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Cuộc sống chung của vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh, chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng Tòng xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên khuyên ngăn, hoà giải nhưng không có kết quả, hai anh, chị đã sống ly thân từ ngày 30 tháng 3 năm 2025 đó cho đến nay, không bên nào chăm lo đến cuộc sống chung của gia đình nữa. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị T và anh Hoàng Văn T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn T.

[3] Về con chung: Chị Hà Thị T và anh Hoàng Văn T có 02 con chung là cháu Hoàng Ngọc V, sinh ngày 20/3/2006 (đã 18 tuổi, có khả năng lao động) nhưng cháu chưa xây dựng gia đình ra ở riêng, nên cả hai anh chị đều có trách nhiệm chung với cháu. Cháu Hoàng Minh Q, sinh ngày 01/01/2014. Chị Hà Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Minh Q cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Xét thấy, cháu Hoàng Minh Q hiện nay đang sống cùng với chị Hà Thị T và có nguyện vọng được sống cùng chị Hà Thị T. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao cháu Hoàng Minh Q cho chị Hà Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi, có khả năng lao động là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng tạm hoãn việc cấp dưỡng đối với anh Hoàng Văn T do chị Hà Thị T chưa yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Hà Thị T.

1. Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Minh Q, sinh ngày 01/01/2014 cho chị Hà Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Hoàng Văn T do chị Hà Thị T chưa yêu cầu. Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Cháu Hoàng Ngọc V, sinh ngày 20/3/2006, đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, nhưng chưa xây dựng gia đình ra ở riêng nên cả hai anh chị đều phải có trách nhiệm chung với cháu.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La theo biên lai thu tiền số: BLTU/25E/000261 ngày 01 tháng 10 năm 2026.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 07/01/2026). Bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 5 – Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- UBND xã PY, tỉnh Sơn La (để vào sổ hộ tịch;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Anh Đức